

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E- HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT: thực hiện theo webform trên hệ thống và tham chiếu theo các khoản mục sau đây:

Các biện pháp bảo đảm dự thầu được áp dụng gồm:

- a) Đặt cọc;
- b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Thư bảo lãnh phải là bảo lãnh không hủy ngang, được thanh toán vô điều kiện khi chủ đầu tư có yêu cầu.

1. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có giá trị thấp hơn so với yêu cầu tại HSMT;
- b) Thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu tại HSMT;
- c) Không đúng tên đơn vị thụ hưởng, tên nhà thầu được bảo lãnh;
- d) Không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ hoặc ký trước khi chủ đầu tư phát hành HSMT;
- đ) Có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết bảo lãnh theo yêu cầu của HSMT.

2. Đối với nhà thầu liên danh, chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh trường hợp một trong các thành viên liên danh vi phạm hợp đồng.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Như trên Webform yêu cầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp Đạt/Không đạt

Stt	Chỉ tiêu	Đánh giá
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;	
1.1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
	Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu sau: - Bảng chào các thông số kỹ thuật với đầy đủ tất cả các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu để có thể so sánh với Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong hồ sơ mời thầu tại Chương V. - Tất cả các thông số kỹ thuật trong bảng chào thông số kỹ thuật	Đạt

Stt	Chỉ tiêu	Đánh giá
	đều đáp ứng các thông số quy định trong hồ sơ mời thầu. - Các tài liệu khác như quy định tại Chương V của E- HSMT này.	
	- Không chào Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V hoặc; - Một trong các thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục 1.2-Yêu cầu về kỹ thuật, hoặc; - Một số thông số kỹ thuật chào thiếu sau khi đã được làm rõ bổ sung nhưng nhà thầu không bổ sung hoặc sau khi làm rõ nhưng không đáp ứng, hoặc; - Không có tài liệu chứng minh tính đáp ứng sau khi đã được yêu cầu làm rõ.	Không đạt
1.2	Tiêu chuẩn sản xuất	
	Có chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hoặc phiên bản mới hơn còn hiệu lực, phù hợp với lĩnh vực sản xuất hàng hóa chào thầu	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.3	Biên bản thử nghiệm điển hình	
a	Danh sách các Biên bản thử nghiệm xuất trình theo E-HSMT:	
	- Nhà thầu phải liệt kê danh sách Biên bản thử nghiệm điển hình (số/ngày phát hành biên bản, tổng số trang, đơn vị thử nghiệm) cho từng hạng mục hàng hóa chào thầu (theo Phụ lục 1). - Đối với từng hạng mục hàng hóa chào thầu: nhà thầu phải liệt kê chi tiết các yêu cầu hạng mục thử nghiệm điển hình của E-HSMT tương ứng với Biên bản thử nghiệm xuất trình theo E-HSMT (ghi rõ mục – số trang – số Biên bản thử nghiệm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT) (theo Phụ lục 1). Đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương V Mục 1 của E-HSMT này.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
b	Đơn vị thử nghiệm:	
	Đơn vị thử nghiệm phải được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn IEC/ISO 17025.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
c	Mẫu thử nghiệm, Hạng mục và kết quả thử nghiệm	
	- Mẫu thử nghiệm trong biên bản thử nghiệm điển hình xuất trình phải cùng nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu, cùng chủng loại và có đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa chào; và - Biên bản thử nghiệm điển hình đầy đủ các hạng mục, nội dung thử nghiệm và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu trong quy cách kỹ thuật tại Chương V của E- HSMT này.	Đạt
	- Không cung cấp được biên bản thử nghiệm trong đó mẫu thử nghiệm phải cùng nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu, cùng chủng loại và có đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa chào sau khi bổ sung, làm rõ; hoặc:	Không đạt

Stt	Chỉ tiêu	Đánh giá
	- Có Biên bản thử nghiệm điển hình không đầy đủ các hạng mục thử nghiệm sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ; hoặc: - Biên bản thử nghiệm điển hình có nội dung thử nghiệm và kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu quy định tại Chương V của E-HSMT.	
2	Chất lượng hàng hóa đã sử dụng: Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng	
	Nhà thầu phải xuất trình tài liệu để chứng minh hàng hóa cung cấp theo chủng loại đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu khách hàng sử dụng cuối cùng tối thiểu là 03 năm tính đến ngày mở thầu. Nhà thầu lập bảng kê (theo Phụ lục 2) đối với từng hạng mục hàng hóa chào thầu (áp dụng cho các hạng mục số 11, 15, 16, 17, 18). Nhà thầu phải liệt kê chi tiết các hạng mục hàng hóa của E-HSMT tương ứng với giấy xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng xuất trình theo E-HSDT (ghi rõ mục -số/ngày của giấy xác nhận và đơn vị sử dụng xác nhận)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
3	Năng lực của nhà sản xuất	
	Nhà thầu phải xuất trình tài liệu chứng minh hàng hóa cung cấp từ nhà sản xuất có ít nhất 05 năm kinh nghiệm sản xuất các mặt hàng tương tự.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
4	Yêu cầu về bảo hành:	
	Thời gian bảo hành là 24 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 30 tháng kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao tại kho Bên mua tùy điều kiện nào đến trước.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
5	Tiến độ cung cấp hàng hóa;	
	Như yêu cầu tại Phạm vi cung cấp	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
6	Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu/Uy tín nhà thầu	
	Nhà thầu được đánh giá là đạt nếu theo kết quả đánh giá đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng do các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt và được công khai kết quả trên Hệ thống đấu thầu quốc gia trong vòng 1 năm từ khi Chủ đầu tư ra Quyết định tính đến từ thời điểm đóng thầu, nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay trước đó bị đánh giá là “Không đạt”	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
7	Các yếu tố cần thiết khác.	
7.1	Quyền sở hữu trí tuệ	
	Nhà thầu có cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với các hàng hóa chào thầu.	Đạt

Stt	Chỉ tiêu	Đánh giá
	Có cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ 3 về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do bên bán cung cấp (theo Mẫu số 15D)	
	Không có cam kết, hoặc không bổ sung cam kết sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ	Không đạt
7.2	Các điều kiện thương mại	
	Không có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.	Đạt
	Có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.	Không đạt
8	Phương án kỹ thuật thay thế	
	Nhà thầu chỉ được chào một (01) phương án về kỹ thuật cho mỗi loại hàng hóa (một mã hiệu hàng hóa, một nhà sản xuất, một nước sản xuất).	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
9	Tổng hợp kết quả đánh giá:	
	Tất cả các chỉ tiêu có kết quả đánh giá là Đạt	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

Ghi chú:

1. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm chứng Biên bản thử nghiệm; tài liệu của nhà sản xuất công bố (catalogue,...); xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng được nhà thầu đính kèm trong E-HSDT. Kết quả kiểm chứng là cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với các yêu cầu của E-HSMT.

2. Trong trường hợp E-HSDT có những nội dung sai khác hoặc bỏ sót nội dung không cơ bản so với E-HSMT – phù hợp với điểm a và điểm b khoản 25.2 điều 25 chương I thuộc E-HSMT, Chủ đầu tư sẽ thực hiện làm rõ E-HSDT phù hợp với khoản 23.1 điều 23 chương I thuộc E-HSMT:

i) Trường hợp có sự sai khác thông tin giữa các tài liệu do Nhà thầu tuyên bố (là các tài liệu do chính Nhà thầu lập và nộp trong E-HSDT, bao gồm: Bảng thông số kỹ thuật chào thầu; Các bản vẽ, mô tả chi dẫn kỹ thuật liên quan; Liệt kê chi tiết VTTB (nếu có)) thì Chủ đầu tư sẽ tiến hành làm rõ để đánh giá E-HSDT.

ii) Trường hợp trong các tài liệu do Nhà sản xuất công bố (catalogue, hướng dẫn vận hành) có thông số kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật khác với tuyên bố của Nhà thầu và không

đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ tiến hành làm rõ. Trong trường hợp này, khi làm rõ thì Nhà thầu phải bổ sung các tài liệu hợp lệ của Nhà sản xuất để giải thích, chứng minh các nội dung sai khác này, làm cơ sở để Chủ đầu tư đánh giá E-HSDT. Trường hợp khi làm rõ mà Nhà thầu không bổ sung được các tài liệu hợp lệ của Nhà sản xuất giải thích, chứng minh nội dung sai khác thì Chủ đầu tư sẽ sử dụng các tài liệu do Nhà sản xuất công bố đã được Nhà thầu cung cấp trước đó trong E-HSDT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT thay cho các thông số kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật mà Nhà thầu đã tuyên bố trong E-HSDT.

3. Đối với Biên bản thử nghiệm của VTTB: phải đầy đủ hạng mục và đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT.

4. Trong trường hợp có nghi ngờ hoặc cần thiết kiểm tra tính xác thực bất kỳ hồ sơ, tài liệu liên quan nhà thầu cung cấp trong E-HSDT, hồ sơ làm rõ, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thực hiện xác thực đối chiếu bản gốc và hoặc xác minh tại bên thứ 3 có liên quan hoặc đi thực tế kiểm tra xác thực tất cả các hồ sơ, tài liệu liên quan nhà thầu cung cấp trong E-HSDT.

- Nếu nhà thầu từ chối hợp tác hoặc trì hoãn kéo dài thời gian dưới mọi hình thức với Chủ đầu tư trong việc xác thực hồ sơ, chứng từ đã xuất trình E-HSDT của nhà thầu sẽ bị đánh giá không đáp ứng.

- Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại khoản 4 Điều 16 và Điều 87 Luật đấu thầu và sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm theo quy định tại Điều 133 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Phụ lục 1**Biên bản thử nghiệm điển hình xuất trình theo E-HSDT****Hàng hóa:...***(nêu tên hàng hóa theo phạm vi cung cấp/ Yêu cầu kỹ thuật tương ứng)*

STT	Hạng mục thử nghiệm	Bảng kê các Biên bản thử nghiệm điển hình xuất trình theo E-HSDT					Ghi chú
		Mục/ số trang có hạng mục thử nghiệm	Số BBTN/ngày phát hành	Tên phòng thử nghiệm	Mã hiệu sản phẩm thử nghiệm	Tiêu chuẩn thử nghiệm	
1	a						
2	b						
3	c						
.....							

Phụ lục 2**Bảng kê xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng xuất trình theo E-HSDT**

STT	Hàng hóa:...(nêu tên hàng hóa theo phạm vi cung cấp)	Mục – số / ngày của giấy xác nhận	Tên đầy đủ đơn vị sử dụng xác nhận	Ghi chú
1	a			
2	b			
3	c			
.....				

Ngoài các nội dung trên Webform đã nêu, nhà thầu phải nghiên cứu các nội dung sau để xây dựng giá chào thầu, cụ thể như sau (Mục 4 + Mục 5 + Mục 6 + Mục 7):

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Lưu ý:

Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau:

- Giá chào thầu là giá giao hàng hóa tại kho của Chủ đầu tư (tại địa điểm như quy định ở Chương IV Phạm vi cung cấp, địa điểm giao hàng) tại mặt sàn kho của Chủ đầu tư, đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 12.1 (A/B/C) của Chương IV– Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

- Nhà thầu phải chịu mọi thứ thuế và lệ phí (nếu có) cho đến khi giao hàng hoá và thực hiện dịch vụ cho Bên mua theo Điều kiện của Hợp đồng.

- Nhà thầu bắt buộc phải chào đầy đủ danh mục, số lượng theo yêu cầu của gói thầu được nêu tại Chương IV Phạm vi cung cấp.

- Việc trao hợp đồng được thực hiện cho cả gói thầu.

Ghi chú:

- Quy định về thuế:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

Mục 5. Xếp hạng các E-HSDT

- Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất

- Đối với các nhà thầu xếp hạng ngang nhau, thì thứ tự ưu tiên sẽ được thực hiện theo khoản 18, điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Mục 6. Hậu kiểm trước khi trao thầu

- Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất sẽ được xem xét trao thầu. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình Chủ đầu tư sẽ thực hiện việc hậu kiểm thực tế

năng lực của nhà thầu dự kiến trúng thầu. Kết quả hậu kiểm thực tế về nhà xưởng, máy móc sản xuất, cơ sở vật chất, năng lực tài chính, nhân sự của nhà thầu/nhà sản xuất là cơ sở để trao thầu cho nhà thầu.

- Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ quyết định việc yêu cầu nhà thầu xếp hạng nhất xác thực các Giấy xác nhận của người sử dụng đối với hàng hóa chào thầu mà nhà thầu đã cung cấp là cơ sở để trao thầu cho nhà thầu.

Mục 7: Nội dung khác:

a) Để các nhà thầu nắm được nội dung yêu cầu chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu, tại điều **E-CDNT 16.2 – Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu** bổ sung nội dung như sau:

* Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu:

Khi được mời vào đối chiếu/hoàn thiện hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu sau đây để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để bên mời thầu lưu trữ:

Các hồ sơ, tài liệu nhà thầu khi tham dự thầu phải được cung cấp theo đúng với yêu cầu nêu trong E-HSMT.

+ Bản gốc bảo lãnh dự thầu.

+ Tất cả các hồ sơ nhà thầu cung cấp trong Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) liên quan đến chứng minh năng lực và kinh nghiệm nhà thầu, năng lực của nhà sản xuất, giấy phép bán hàng của nhà sản xuất (nếu có), chứng chỉ kiểm tra chất lượng, các cam kết... đều phải là bản gốc hoặc bản sao chứng thực theo quy định:

+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Báo cáo tài chính.

+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu của E- HSMT kèm theo tài liệu chứng minh các hợp đồng đã được thực hiện thành công như: bản sao hóa đơn tài chính, bản sao có chứng thực biên bản nghiệm thu, bản sao có chứng thực biên bản thanh lý hợp đồng;

+ Trong trường hợp nhà thầu có đề xuất đơn giá thấp/cao khác thường hoặc có giá đề nghị trúng thầu thấp dưới 80% giá gói thầu thì việc xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 140 Nghị định số 214/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Các cam kết (nếu có) ...

b) Biên bản thí nghiệm: Trường hợp Biên bản thí nghiệm, ISO, catalogue của hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài mà Nhà sản xuất có lý do không thể nộp bản gốc hoặc bản sao chứng thực theo quy định khi tham dự thầu thì trong Hồ sơ dự thầu nhà thầu phải cung cấp văn bản của Nhà sản xuất xác nhận tài liệu dự thầu là bản sao chụp từ bản gốc và Nhà sản xuất cam kết sẵn sàng làm việc với Chủ đầu tư để xác minh tài liệu nếu được đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư yêu cầu để xác minh tài liệu nếu được công nhận trúng thầu (Mẫu số 15E).

c) Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm văn bản cam kết của Nhà sản xuất (Mẫu số 15E) trong E-HSDT, việc nhà thầu không đính kèm văn bản cam kết

nêu trên không phải là lý do để loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để xếp hạng nhà thầu. Trường hợp nhà thầu được mời vào hoàn thiện hợp đồng, nhà thầu phải xuất trình được văn bản cam kết (Mẫu số 15E) nêu trên trong quá trình hoàn thiện hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bản cam kết do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình/cung cấp được văn bản cam kết (Mẫu số 15E) của Nhà sản xuất khi hoàn thiện hợp đồng thì xem như không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và bên mời thầu sẽ mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào hoàn thiện hợp đồng.

Bổ sung mẫu cam kết:

Mẫu số 15D

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

THƯ CAM KẾT

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký cam kết]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Tên dự án: *[ghi tên dự án]*

Thư mời thầu số: *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* ⁽²⁾

Chúng tôi cam kết:

1. Không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với toàn bộ sản phẩm, hàng hóa được chào thầu trong gói thầu này
2. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho Chủ đầu tư trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do Chúng tôi chào thầu và sẽ cung cấp (nếu được trúng thầu).

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Bổ sung mẫu xác nhận:

Mẫu số 15E

____, ngày ____ tháng ____ năm ____.

THƯ XÁC NHẬN

Về Biên bản thí nghiệm, ISO, Catalogue của nhà sản xuất

Kính gửi:

Địa chỉ:

(được gọi bên mời thầu)

Theo đề nghị của ...(*Đơn vị tham gia dự thầu*)...(được gọi là Nhà thầu) sẽ tham dự đấu thầu cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ (nếu có) cho gói thầu ...(số TBMT và tên gói thầu)..... thuộc dự án :.....

Chúng tôi.....(Tên nhà sản xuất)..... được thành lập từ ngày, là nhà sản xuất chính thức các vật tư thiết bị mang nhãn hiệu....., có địa chỉ tại....., số điện thoại....., e-mail.....

Bằng văn bản này, chúng tôi xác nhận:

1. Tất cả các tài liệu sau:

- BBTN số ... ngày ... được phát hành bởi đơn vị thí nghiệm
- BBTN số ... ngày ... được phát hành bởi đơn vị thí nghiệm
-
- Và các tài liệu kỹ thuật liên quan (ISO, Catalogue)

do chúng tôi cung cấp cho Nhà thầu ... là bản sao chụp từ bản gốc.

2. Sẵn sàng làm việc với Chủ đầu tư để xác minh tài liệu nếu được đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư yêu cầu.

Đại diện hợp pháp của Nhà sản xuất

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục các Biên bản thử nghiệm điển hình xuất trình theo E-HSDT
Hàng hóa:...(nêu tên hàng hóa theo phạm vi cung cấp)

STT	Hạng mục thử nghiệm	Bảng kê các Biên bản thử nghiệm điển hình xuất trình theo E-HSDT					Ghi chú
		Mục/ số trang có hạng mục thử nghiệm	Số BBTN/ngày phát hành	Tên phòng thử nghiệm	Mã hiệu sản phẩm thử nghiệm	Tiêu chuẩn thử nghiệm	
1	a						
2	b						
3	c						
.....							